

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐẰNG TMC

Số: 50...../CV-TMC

“ V/v giải trình chênh lệch Báo cáo
trước và sau kiểm toán”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC xin giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chênh lệch Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 trước kiểm toán và sau kiểm toán tại ngày 30/06/2017 như sau:

Do doanh thu tăng so với báo cáo trước kiểm toán là: 108 triệu đồng(tương đương 100%).Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với báo cáo trước kiểm toán là 86,9 triệu đồng (tương đương 3%) nguyên nhân là do hợp nhất báo cáo của Chi nhánh vào báo cáo của Công ty.

Giá vốn bán hàng tăng 148, 7 triệu đồng (tương đương 100%)

Như vậy, từ những nguyên nhân trên đây cho thấy Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và trước kiểm toán có sự chênh lệch là có cơ sở.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: bachdangtmc.com

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Cty TMC

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐẰNG TMC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thường

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC

Số: 5.1./CV-TMC

" V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận
so với cùng kỳ năm trước "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC
2. Mã chứng khoán : BHT
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 99, nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
4. Điện thoại : 04.62865483 Fax: 04.62865987
5. Người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin: TẠ VĂN TÚ
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Toàn bộ các báo cáo trên được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017.

6.2 Nội dung giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017, so với cùng kỳ năm trước có biến động, nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động cụ thể như sau:

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm trước 5.657 triệu đồng (tương đương 98,1%). Chi phí quản lý giảm so với cùng kỳ năm trước 1.726,6 triệu đồng (tương đương 37,5%)

Như vậy, từ nguyên nhân trên đây cho thấy lợi nhuận của kỳ báo cáo năm nay có biến động so với cùng kỳ năm trước là có cơ sở.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: bachdangtmc.com

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Cty TMC

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	6 – 33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 33

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC, trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy TMC (tiền thân là Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng) được thành lập do chuyển đổi từ Công ty Lắp máy Điện nước và Xây dựng - Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng theo Quyết định số 2304/QĐ-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001434 ngày 27 tháng 04 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Kinh doanh bất động sản
- Cho thuê thiết bị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Chủ tịch
Ông Đinh Đức Tân	Ủy viên
Bà Dương Thị Thủy	Ủy viên
Ông Tạ Văn Tú	Ủy viên
Ông Phạm Đình Huỳnh	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thủy	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thường

Số: 271/2017/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đăng - TMC được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đăng - TMC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số VIII.10, trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo tài chính đính kèm theo được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty tiếp tục lỗ 5.599.446.092 đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 38.970.337.975 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, tổng công nợ phải trả quá hạn thanh toán là 60.424.372.659 đồng (trong đó nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 26.611.530.863 đồng, lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 7.726.704.988 đồng, nợ phải trả người bán là 8.477.063.560 đồng, nợ phải trả khác là 2.941.847.223 đồng, nợ thuế và các khoản lãi, phạt chậm nộp Nhà nước là 14.667.226.025 đồng). Những vấn đề này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin chắc rằng với sự cố gắng làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về kế hoạch giãn nợ, thương lượng giãn thời gian thanh toán các khoản nợ phải trả, đàm phán với chủ đầu tư để nghiệm thu, đôn đốc thanh toán các công trình đã hoàn thành, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.805.425.663	148.242.501.659
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		188.267.584	17.156.928
1.	Tiền	111	V.01	188.267.584	17.156.928
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.481.702.726	39.365.804.663
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	20.447.538.105	20.730.003.464
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.402.035.635	6.402.035.635
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	21.190.027.596	23.910.531.502
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(13.557.898.610)	(11.676.765.938)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	113.898.040.981	108.643.678.523
1.	Hàng tồn kho	141		121.076.069.719	115.821.707.261
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.178.028.738)	(7.178.028.738)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		237.414.372	215.861.545
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		237.414.372	215.861.545
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.864.363.448	22.077.996.388
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		20.599.442.994	21.756.109.948
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	4.499.100.631	5.655.767.585
	- Nguyên giá	222		29.330.992.873	29.330.992.873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.831.892.242)	(23.675.225.288)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	16.100.342.363	16.100.342.363
	- Nguyên giá	228		16.100.342.363	16.100.342.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		264.920.454	321.886.440
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	264.920.454	321.886.440
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.669.789.111	170.320.498.047

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		156.732.312.261	151.093.575.105
I.	Nợ ngắn hạn	310		72.691.922.516	67.825.791.085
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	8.477.063.560	9.413.390.388
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.371.898.203	5.389.898.203
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	14.667.226.025	14.098.626.743
4.	Phải trả người lao động	314		212.432.579	391.231.013
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	7.820.950.130	6.634.643.012
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.350.734.293	2.830.493.561
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	32.429.640.424	28.604.530.863
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		361.977.302	462.977.302
II.	Nợ dài hạn	330		84.040.389.745	83.267.784.020
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	15.069.374.742	15.471.184.020
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	68.971.015.003	67.796.600.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.937.476.850	19.226.922.942
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	12.937.476.850	19.226.922.942
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.118.298.000	4.118.298.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.789.516.825	1.789.516.825
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.970.337.975)	(32.680.891.883)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.370.891.883)	(5.140.699.544)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.599.446.092)	(27.540.192.339)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169.669.789.111	170.320.498.047

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng

Dương Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	108.152.493	5.765.253.771
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.152.493	5.765.253.771
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	148.792.631	4.274.554.075
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(40.640.138)	1.490.699.696
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	36.916	164.468
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.223.292.041	1.228.883.052
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.223.292.041	1.228.883.052
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.882.586.046	4.609.238.971
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.146.481.309)	(4.347.257.859)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	171.780.449
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1.452.964.783	743.438.082
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.452.964.783)	(571.657.633)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(1.217)	(1.069)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(1.217)	(1.069)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng

Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.156.666.954	1.429.082.861
-	Các khoản dự phòng	03		1.881.132.672	2.587.410.868
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.294)	(164.468)
-	Chi phí lãi vay	06		1.223.292.041	1.228.883.052
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(1.338.385.719)	326.296.821
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.981.416.438	2.792.286.974
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.254.362.458)	(2.001.537.425)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(515.113.338)	(4.433.013.769)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		56.965.986	170.343.462
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.061.111)	(25.935.277)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(101.000.000)	(44.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4.172.540.202)	(3.215.559.214)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(47.500.000)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.294	164.468
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		31.294	(47.335.532)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
 Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		8.226.524.564	1.123.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.227.000.000)	(1.517.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(655.905.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.343.619.564	(394.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		171.110.656	(3.656.894.746)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.156.928	3.683.683.688
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		188.267.584	26.788.942

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Kinh doanh bất động sản
- Cho thuê thiết bị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2016.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định và thông báo chia cổ tức.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	164.645.303	10.790.598
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.622.281	6.366.330
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	188.267.584	17.156.928

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	20.447.538.105	20.730.003.464
- Công ty Cổ phần TCT Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.674.978.546	2.774.978.546
- Công ty Cổ phần Y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	4.846.214.745
- Tổng Công ty Dầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	2.652.801.098	2.652.801.098
- Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1	2.588.747.028	2.588.747.028
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.684.796.688	7.867.262.047
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	20.447.538.105	20.730.003.464

03. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	21.190.027.596	(500.000.000)	23.910.531.502	(500.000.000)
- Tạm ứng	9.162.636.660	-	10.485.937.583	-
- Phải thu khác	12.027.390.936	(500.000.000)	13.424.593.919	(500.000.000)
+ Phải thu các đối tượng tạm ứng là cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc	10.624.178.956	-	12.047.274.707	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và thương mại Đông Cường	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
+ Các đối tượng khác	903.211.980	-	877.319.212	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.190.027.596	(500.000.000)	23.910.531.502	(500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụy Như Kôn Tum, phường Ni-án Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Nợ xấu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
a. Nợ phải thu khách hàng quá hạn	16.753.418.391	(13.057.898.610)	3.695.519.781	16.753.418.391	(11.176.765.938)	5.576.652.453
- Công ty liên doanh XD Hà Nội - Bắc Kinh	1.775.903.393	(1.775.903.393)	-	1.775.903.393	(.243.132.375)	532.771.018
- Công ty CP tư vấn ĐT XD Ba Đình	1.339.954.525	(1.339.954.525)	-	1.339.954.525	(.339.954.525)	-
- Cục thuế Hải Phòng	1.062.098.579	(1.062.098.579)	-	1.062.098.579	(.062.098.579)	-
- Công ty cổ phần y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	(2.423.107.373)	2.423.107.372	4.846.214.745	(2.423.107.373)	2.423.107.372
- Công ty CP thép Cửu Long	976.829.071	(976.829.071)	-	976.829.071	(976.829.071)	-
- Đối tượng khác	6.752.418.078	(5.480.005.669)	1.272.412.409	6.752.418.078	(4.131.644.015)	2.620.774.063
b. Nợ phải thu ngắn hạn khác quá hạn	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
- Công ty CP tư vấn ĐT & XD TM Đông Cường	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	17.253.418.391	(13.557.898.610)	3.695.519.781	17.253.418.391	(11.676.765.938)	5.576.652.453

(*) **Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

	Từ 01/01/2017	đến 30/6/2017
Số đầu năm	11.676.765.938	
Trích lập dự phòng bổ sung	1.881.132.672	
Tăng khác	-	
Hoàn nhập dự phòng	-	
Xử lý, xóa nợ	-	
Số cuối năm	13.557.898.610	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	58.168.636	-	58.168.636	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	119.003.987.200	(7.178.028.738)	113.749.624.742	(7.178.028.738)
- Thành phẩm	1.975.457.831	-	1.975.457.831	-
- Hàng hoá	38.456.052	-	38.456.052	-
Cộng	121.076.069.719	(7.178.028.738)	115.821.707.261	(7.178.028.738)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội ⁽¹⁾	66.901.943.679	-	61.647.581.221	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình xây dựng	52.102.043.521	(7.178.028.738)	52.102.043.521	(7.178.028.738)
Cộng	119.003.987.200	(7.178.028.738)	113.749.624.742	(7.178.028.738)

⁽¹⁾ Dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội có tổng diện tích là 49.664 m². Ngày 20 tháng 11 năm 2014, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 188/2014/HTLD/BĐTMC-VIMEDIMEX với Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX và Phư lục hợp đồng số 01/PLHD/188/2014/HDLD/BĐTMC-VIDEDIMEX ngày 20 tháng 11 năm 2014 về việc hợp tác liên danh để thực hiện đầu tư dự án Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng tại Xuân Đình, quận Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Theo đó, hai bên thống nhất liên danh hợp tác để đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác, sử dụng theo phương thức cùng hợp tác xây dựng, quản lý và phân chia lợi nhuận, sản phẩm. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 40% và tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX là 60%, tỷ lệ góp vốn này sẽ là cơ sở để quy định tỷ lệ phân chia lợi nhuận, sản phẩm và rủi ro (nếu có) của Dự án. Công ty chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 24.000 m², Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 25.664 m². Hiện tại, dự án đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngõ Như Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	872.305.551	26.454.438.209	1.951.819.113	52.430.000	29.330.992.873
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	872.305.551	26.454.438.209	1.951.819.113	52.430.000	29.330.992.873
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.230.556	21.786.384.354	1.750.818.813	50.791.565	23.675.225.288
- Khấu hao trong kỳ	17.446.112	1.059.761.601	77.820.806	1.638.435	1.156.666.954
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	104.676.668	22.846.145.955	1.828.639.619	52.430.000	24.831.892.242
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	785.074.995	4.668.053.855	201.000.300	1.638.435	5.655.767.585
2. Tại ngày cuối kỳ	767.628.883	3.608.292.254	123.179.494	-	4.499.100.631

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 12.008.467.596 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.340.365.635 đồng và 97.036.240 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài tại Thạch Thất, Hà Nội.

Giá trị còn lại cuối kỳ là của tài sản cố định vô hình là 16.100.342.363 đồng đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

08. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	<i>264.920.454</i>	<i>321.886.440</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.920.454	13.886.440
- Giá trị thương hiệu	258.000.000	308.000.000
Cộng	264.920.454	321.886.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
a. Vay ngắn hạn	28.604.530.863	26.731.530.863	4.045.109.561	220.000.000	32.429.640.424	26.711.530.863
- <i>Vay ngân hàng</i>	26.631.530.863	26.631.530.863	-	20.000.000	26.611.530.863	26.611.530.863
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch ^(a)	26.631.530.863	26.631.530.863	-	20.000.000	26.611.530.863	26.611.530.863
- <i>Vay đối tượng khác</i>	1.973.000.000	100.000.000	4.045.109.561	200.000.000	5.818.109.561	100.000.000
+ Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
+ Công ty CP bất động sản Vimedimex ^(b)	-	-	4.045.109.561	-	4.045.109.561	-
+ Vay các đối tượng khác ^(c)	1.873.000.000	-	-	200.000.000	1.673.000.000	-
b. Vay dài hạn	67.796.600.000	-	4.181.415.003	3.007.000.000	68.971.015.003	-
Từ 1 năm đến 5 năm	67.796.600.000	-	4.181.415.003	3.007.000.000	68.971.015.003	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	67.796.600.000	-	4.181.415.003	3.007.000.000	68.971.015.003	-
+ Các đối tượng thuộc dự án Xuân Đình ^(d)	67.796.600.000	-	4.181.415.003	3.007.000.000	68.971.015.003	-
Cộng	96.401.130.863	26.731.530.863	8.226.524.564	3.227.000.000	101.400.655.427	26.711.530.863

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam lãi suất 8,5%/năm để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Thạch Thất - Hà Nội và một số máy móc thiết bị. Khoản vay ngân hàng của Công ty đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đã và đang lên kế hoạch trả nợ trong tương lai và tin tưởng về khả năng thanh toán công nợ này.
- (b) Khoản vay Công ty CP bất động sản Vimedimex để phục vụ dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Lãi vay bằng lãi suất liên ngân hàng tại thời điểm thanh toán khấu trừ.
- (b) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 7%/năm đến 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (c) Khoản vay các cá nhân để thực hiện dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Lãi vay từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngõ 9, Phố Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
a. Phải trả người bán ngắn hạn	8.477.063.560	8.477.063.560	9.413.390.388	9.072.240.698
- Công ty TNHH Hùng Hiệp Quảng Ninh	2.090.615.695	2.090.615.695	2.090.615.695	2.090.615.695
- Công ty TNHH MTV TVTK TM & XD Mạnh Cường	1.752.648.189	1.752.648.189	1.752.648.189	1.752.648.189
- Công ty TNHH 405	805.662.007	805.662.007	805.662.007	805.662.007
- Công ty TNHH Thái Long	2.121.099.668	2.121.099.668	2.421.099.668	2.421.099.668
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.707.038.001	1.707.038.001	2.343.364.829	2.002.215.139
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.477.063.560	8.477.063.560	9.413.390.388	9.072.240.698

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	-	8.338.409	-	-	4.222.479.388
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	3.511.594.916
- Thuế thu nhập cá nhân	-	110.115.774	-	-	683.193.649
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	450.145.099	-	-	6.249.958.072
Cộng	-	568.599.282	-	-	14.667.226.025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	7.820.950.130	6.634.643.012
- Chi phí lãi vay	7.775.313.766	6.589.006.648
- Trích trước chi phí công trình phải trả	45.636.364	45.636.364
b. Dài hạn	15.069.374.742	15.471.184.020
- Chi phí lãi vay ^(*)	15.069.374.742	15.471.184.020
Cộng	22.890.324.872	22.105.827.032

(*) Chi phí lãi vay liên quan đến dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	3.350.734.293	2.830.493.561
- Kinh phí công đoàn	159.700.098	161.500.098
- Bảo hiểm xã hội	1.775.960.797	1.583.269.524
- Bảo hiểm y tế	125.387.324	189.275.486
- Bảo hiểm thất nghiệp	143.208.378	127.158.658
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	330.408.234	296.313.234
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	816.069.462	472.976.561
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.350.734.293	2.830.493.561
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Bảo hiểm xã hội	1.775.960.797	1.583.269.524
- Bảo hiểm y tế	125.387.324	189.275.486
- Bảo hiểm thất nghiệp	143.208.378	127.158.658
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	330.408.234	296.313.234
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	566.882.490	-
Cộng	2.941.847.223	2.196.016.902

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(5.140.699.544)	46.767.115.281
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(27.540.192.339)	(27.540.192.339)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(32.680.891.883)	19.226.922.942
Số dư đầu năm nay	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(32.680.891.883)	19.226.922.942
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	(5.599.446.092)	(5.599.446.092)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	(690.000.000)	(690.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(38.970.337.975)	12.937.476.850

(*) Chi trả cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 10 năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2015 và thông báo chi trả cổ tức năm 2014 ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng TMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	148.792.631	291.034.184
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	-	3.983.519.891
Cộng	148.792.631	4.274.554.075

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.916	164.468
Cộng	36.916	164.468

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	1.223.292.041	1.228.883.052
Cộng	1.223.292.041	1.228.883.052

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Nợ phải trả người bán được miễn trừ	-	171.780.449
Cộng	-	171.780.449

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	910.968.987	-
- Các khoản bị phạt	452.620.411	624.102.166
- Các khoản khác	89.375.385	119.335.916
Cộng	1.452.964.783	743.438.082

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nhân viên quản lý	594.163.085	1.044.342.189
- Chi phí đồ dùng văn phòng	101.192.226	97.363.986
- Chi phí khấu hao TSCĐ	96.905.351	118.190.754
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	434.405.625
- Chi phí dự phòng	1.881.132.672	2.587.410.868
- Các khoản chi phí khác	206.192.712	327.525.549
Cộng	2.882.586.046	4.609.238.971

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.600.000	4.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.217)	(1.069)

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.599.446.092)	(4.918.915.492)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.600.000	4.600.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.217)	(1.069)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.212.503.756
- Chi phí nhân công	594.163.085	1.340.949.865
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.697.982	1.429.082.861
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.192.712	2.747.225.238
- Chi phí khác bằng tiền	5.358.554.684	1.568.157.883
- Chi phí dự phòng	1.881.132.672	2.587.410.868
Cộng	8.285.741.135	8.297.919.603

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<i>Bà Dương Thị Thủy - Ủy viên HĐQT, kế toán trưởng</i>		
Lãi tiền vay	23.587.027	23.847.658
<i>Ông Tạ Văn Tú - Ủy viên HĐQT</i>		
Lãi tiền vay	21.243.945	21.478.685
<i>Bà Trần Thị Bé - Vợ ông Nguyễn Văn Thường - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i>		
Lãi tiền vay	104.136.986	104.712.329

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Bà Dương Thị Thủy</i>		
Vay dài hạn	453.000.000	453.000.000
<i>Ông Tạ Văn Tú</i>		
Vay dài hạn	408.000.000	408.000.000
<i>Bà Trần Thị Bé</i>		
Vay dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng nợ phải trả	2.861.000.000	2.861.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tiền lương, phụ cấp	141.550.891	216.280.841
Cộng	141.550.891	216.280.841

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP

Mối quan hệ

Cổ đồng góp vốn

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP		
- Lãi tiền vay và lãi trả chậm	18.512.701	9.256.351
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	34.095.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP				
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	184.738.785		184.738.785	
- Vay ngắn hạn	100.000.000		100.000.000	
- Các khoản phải trả phải nộp khác	145.207.258		126.694.557	
- Cổ tức phải trả	79.555.000		45.460.000	
Cộng nợ phải trả	509.501.043		456.893.342	

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Xây dựng tổ hợp nhà ở, căn hộ cao cấp và văn phòng cho thuê;
- Lĩnh vực khác: Cho thuê thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụy Như Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	108.152.493	108.152.493
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	3.171.927.365	846.921.018	235.785.419	4.254.633.802
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(3.171.927.365)	(846.921.018)	(127.632.926)	(4.146.481.309)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước cài hạn	-	-	148.792.631	148.792.631
Số dư tại ngày 30/6/2017				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	101.965.439.582	66.901.943.679	614.138.266	169.481.521.527
- Tài sản không phân bổ				188.267.584
Tổng tài sản	101.965.439.582	66.901.943.679	614.138.266	169.669.789.111
- Nợ phải trả bộ phận	67.858.374.260	88.085.499.306	96.053.159	156.039.926.725
- Nợ phải trả không phân bổ				692.385.536
Tổng nợ phải trả	67.858.374.260	88.085.499.306	96.053.159	156.732.312.261

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngõ Nguyễn Như Kôn Tum, phường Nguyễn Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.265.253.771	-	500.000.000	5.765.253.771
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	9.421.734.507	-	690.777.123	10.112.511.630
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(4.156.480.736)	-	(190.777.123)	(4.347.257.859)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	101.120.046	-	3.200.000	104.320.046
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.348.584.296	-	307.662.073	1.656.246.369
Số dư tại ngày 30/6/2016				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	133.904.180.064	60.406.787.195	1.977.186.801	196.288.154.060
- Tài sản không phân bổ				26.788.942
Tổng tài sản	133.904.180.064	60.406.787.195	1.977.186.801	196.314.943.002
- Nợ phải trả bộ phận	70.008.589.217	83.768.626.694	215.000.000	153.992.215.911
- Nợ phải trả không phân bổ				474.527.302
Tổng nợ phải trả	70.008.589.217	83.768.626.694	215.000.000	154.466.743.213

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.267.584	-	17.156.928	-	188.267.584	17.156.928
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.474.929.041	(13.557.898.610)	34.154.597.383	(11.676.765.938)	18.917.030.431	22.477.831.445
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	32.663.196.625	(13.557.898.610)	34.171.754.311	(11.676.765.938)	19.105.298.015	22.494.988.373

Giá trị sổ sách

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	8.477.063.560	9.413.390.388	8.477.063.560	9.413.390.388
Vay và nợ	101.400.655.427	96.401.130.863	101.400.655.427	96.401.130.863
Chi phí phải trả	22.890.324.872	22.105.827.032	22.890.324.872	22.105.827.032
Các khoản phải trả khác	816.069.462	472.976.561	816.069.462	472.976.561
Cộng	133.584.113.321	128.393.324.844	133.584.113.321	128.393.324.844

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.06 và V.09). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối kỳ	
Máy móc, thiết bị	672.405.276
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
Cộng	16.772.747.639
Số đầu năm	
Máy móc, thiết bị	1.108.488.521
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
Cộng	17.208.830.884

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	8.477.063.560	-		8.477.063.560
Vay và nợ	32.429.640.424	68.971.015.003	-	101.400.655.427
Chi phí phải trả	7.820.950.130	15.069.374.742		22.890.324.872
Các khoản phải trả khác	816.069.462	-		816.069.462
Cộng	49.543.723.576	84.040.389.745	-	133.584.113.321
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	9.413.390.388			9.413.390.388
Vay và nợ	28.604.530.863	67.796.600.000	-	96.401.130.863
Chi phí phải trả	6.634.643.012	15.471.184.020		22.105.827.032
Các khoản phải trả khác	472.976.561	-		472.976.561
Cộng	45.125.540.824	83.267.784.020	-	128.393.324.844

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty tiếp tục lỗ 5.599.446.092 đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 38.970.337.975 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, tổng công nợ phải trả quá hạn thanh toán là 60.424.372.659 đồng (trong đó nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 26.611.530.863 đồng, lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 7.726.704.988 đồng, nợ phải trả người bán là 8.477.063.560 đồng, nợ phải trả khác là 2.941.847.223 đồng, nợ thuế và các khoản lãi, phạt chậm nộp Nhà nước là 14.667.226.025 đồng). Những vấn đề này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin chắc rằng với sự cố gắng làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về kế hoạch giãn nợ, thương lượng giãn thời gian thanh toán các khoản nợ phải trả, đàm phán với chủ đầu tư để nghiệm thu, đôn đốc thanh toán các công trình đã hoàn thành, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Văn Thường